

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2015/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 23 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy định về tổ chức khuyến nông cơ sở, mức phụ cấp, nguồn chi trả phụ cấp đối với người làm công tác khuyến nông cơ sở

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 202/TTr-SNN-KN ngày 18/12/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về tổ chức khuyến nông cơ sở, mức phụ cấp, nguồn chi trả phụ cấp đối với người làm công tác khuyến nông cơ sở”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 24/2011/QĐ-UBND ngày 20/12/2011 của UBND tỉnh Phú Thọ Về việc ban hành Quy định về tổ chức khuyến nông cơ sở, mức phụ cấp, nguồn chi trả phụ cấp đối với khuyến nông viên cơ sở và cộng tác viên khuyến nông cơ sở. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị căn cứ Quyết định thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Minh Châu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về tổ chức khuyến nông cơ sở, mức phụ cấp, nguồn chi trả phụ cấp
đối với người làm công tác khuyến nông cơ sở**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)*

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về tổ chức khuyến nông cơ sở, mức phụ cấp, nguồn chi trả phụ cấp, tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với người làm công tác khuyến nông cơ sở.

2. Đối tượng áp dụng:

- Tổ chức khuyến nông ở các xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là tổ chức khuyến nông cơ sở);

- Người làm công tác khuyến nông cơ sở bao gồm: Khuyến nông viên cơ sở và cộng tác viên khuyến nông cơ sở;

- Tổ chức khuyến nông trong tỉnh và ngoài tỉnh, người hoạt động khuyến nông, cơ quan có chức năng quản lý Nhà nước về khuyến nông.

Điều 2. Tổ chức khuyến khích phát triển kinh tế khu vực nông nghiệp, nông thôn bao gồm khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, bảo vệ thực vật, chăn nuôi thú y, khuyến công, khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn gọi tắt là tổ chức khuyến nông cơ sở (KNCS). Tổ KNCS do UBND xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là đơn vị cấp xã) quyết định thành lập.

Điều 3. Tổ KNCS chịu sự điều hành trực tiếp của UBND cấp xã và chịu sự chỉ đạo quản lý về chuyên môn của các phòng ban chuyên môn cấp huyện có liên quan và của Trạm Khuyến nông, Trạm Bảo vệ thực vật, Trạm Thú y huyện, thành, thị.

Điều 4. Người làm công tác khuyến nông cơ sở:

1. Khuyến nông viên cơ sở là người làm công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công, khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn, bảo vệ thực vật, chăn nuôi thú y ở các xã, phường, thị trấn.

Khuyến nông viên cơ sở do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định tuyển chọn theo tiêu chuẩn tại Khoản 1, Điều 7 Quy định này.

Khuyến nông viên cơ sở là người làm chuyên trách công tác khuyến nông. Các đối tượng không được kiêm nhiệm khuyến nông viên cơ sở gồm: Các đối tượng đang đảm nhiệm các chức danh theo Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 15/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và khu dân cư; hỗ trợ kinh phí hoạt động các chi hội thuộc tổ chức chính trị - xã hội ở khu đặc biệt khó khăn, khu thuộc xã đặc biệt khó khăn và an toàn khu.

2. Cộng tác viên khuyến nông cơ sở là người làm công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công, khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn, bảo vệ thực vật, chăn nuôi thú y ở các khu dân cư. Cộng tác viên KNCS do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định tuyển chọn theo tiêu chuẩn tại Khoản 2, Điều 7 Quy định này.

Cộng tác viên KNCS có thể là cán bộ kiêm nhiệm các chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở khu dân cư.

CHƯƠNG II: NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. TỔ CHỨC KHUYẾN NÔNG CƠ SỞ.

Điều 5. Tổ chức, cơ cấu, số lượng và hoạt động KNCS.

1. Mỗi đơn vị cấp xã được thành lập 01 tổ KNCS.

2. Mỗi tổ KNCS được tuyển chọn từ 01 đến 03 khuyến nông viên cơ sở, cụ thể:

- Các phường có sản xuất nông nghiệp nhưng qui mô nhỏ hoặc không có sản xuất nông nghiệp được tuyển chọn 01 khuyến nông viên cơ sở, gồm có: 06 phường thuộc Thành phố Việt Trì: Bến Gót, Thọ Sơn, Tân Dân, Gia Cẩm, Nông Trang, Vân Cờ và 03 phường thuộc Thị xã Phú Thọ: Âu Cơ, Hùng Vương, Phong Châu.

- Đơn vị cấp xã thuộc địa bàn huyện 30a; xã đặc biệt khó khăn; xã an toàn khu; xã có đồng thời 02 tiêu chí từ 1.000 ha đất tự nhiên trở lên và từ 5.000 nhân khẩu trở lên; xã có diện tích rừng và đất lâm nghiệp từ 300 ha trở lên được tuyển chọn 03 khuyến nông viên cơ sở.

- Đơn vị cấp xã còn lại có sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản được tuyển chọn 02 khuyến nông viên cơ sở.

Khi các tiêu chí trên thay đổi, được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, số lượng khuyến nông viên cơ sở được điều chỉnh theo cho phù hợp.

3. Mỗi khu dân cư được tuyển chọn 01 cộng tác viên KNCS.

4. Tổ KNCS gồm có tổ trưởng, các tổ viên và các cộng tác viên KNCS ở khu dân cư.

5. Cơ cấu tổ KNCS:

- Đối với tổ KNCS được tuyển chọn 01 khuyến nông viên cơ sở: Phải có chuyên môn chăn nuôi, thú y hoặc thủy sản, phụ trách tất cả nhiệm vụ như Điều 6 Quy định này, kiêm nhân viên thú y cấp xã.

- Đối với tổ KNCS được tuyển chọn 02 khuyến nông viên cơ sở: 01 người có chuyên môn chăn nuôi, thú y hoặc thủy sản phụ trách chăn nuôi, thú y, thủy sản kiêm nhân viên thú y cấp xã; 01 người có chuyên môn trồng trọt, bảo vệ thực vật hoặc lâm nghiệp phụ trách trồng trọt, bảo vệ thực vật, lâm nghiệp kiêm nhân viên bảo vệ thực vật cấp xã. Tổ trưởng hoặc tổ viên phụ trách khuyến công, phát triển ngành nghề nông thôn, tư vấn, dịch vụ khuyến nông.

- Đối với tổ KNCS được tuyển chọn 03 khuyến nông viên cơ sở: 02 người được bố trí như tổ KNCS có 2 người nêu trên; người thứ 3 có chuyên môn như trên hoặc chuyên môn kinh tế, khuyến nông và phát triển nông thôn phụ trách khuyến công, phát triển ngành nghề nông thôn, tư vấn, dịch vụ khuyến nông.

6. Quan hệ giữa tổ KNCS với Hợp tác xã nông nghiệp, tổ dịch vụ là mối quan hệ phối hợp để thực hiện các chương trình, kế hoạch khuyến nông.

Điều 6. Nhiệm vụ của tổ KNCS.

1. Theo dõi các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công, khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn; tham mưu cho UBND cấp xã xây dựng các chương trình, kế hoạch dài hạn và ngắn hạn hỗ trợ nông dân trên địa bàn để phát triển sản xuất, kinh doanh các ngành nghề sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thủy nông, cơ điện nông nghiệp và ngành nghề nông thôn.

2. Tiếp nhận các chủ trương, chính sách, tiến bộ kỹ thuật, thông tin thị trường, các nội dung có liên quan đến sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn; tổ chức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn người dân áp dụng vào thực tiễn sản xuất.

3. Tổ chức điều tra, nắm bắt tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Tổ chức tiêm phòng, phun thuốc cùng các biện pháp ngăn ngừa dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Tư vấn, hướng dẫn nông dân các biện pháp phòng trừ dịch bệnh.

4. Tư vấn, dịch vụ cho nông dân về chính sách, pháp luật, giống, phân bón, bảo vệ thực vật, thú y, vật tư nông nghiệp, thiết bị, máy cơ khí, công cụ nông nghiệp, thủy nông, nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn, kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh, thị trường,...

5. Hướng dẫn hoạt động cho cộng tác viên KNCS ở khu dân cư, các tổ chức khuyến nông tự nguyện (Câu lạc bộ khuyến nông, nhóm nông dân cùng sở thích, tổ dịch vụ).

Điều 7. Tiêu chuẩn tuyển chọn người làm công tác khuyến nông ở cơ sở.

1. Tiêu chuẩn khuyến nông viên cơ sở.

- Có trình độ từ trung cấp trở lên và có chuyên môn phù hợp với cơ cấu tổ chức KNCS tại Khoản 5, Điều 5 Quy định này.

- Là người có kinh nghiệm, gắn bó với sản xuất, tâm huyết, nhiệt tình, biết cách thuyết phục và vận động nông dân, được nông dân tín nhiệm.

- Có khả năng tiếp thu và vận dụng kiến thức khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

- Có sức khỏe, năng lực tổ chức, quản lý, tham mưu, đề xuất với UBND cấp xã về chỉ đạo thực hiện các hoạt động của công tác khuyến nông.

2. Tiêu chuẩn công tác viên KNCS: Vận dụng các tiêu chuẩn đối với khuyến nông viên cơ sở để tuyển chọn. Về trình độ phải tốt nghiệp phổ thông trung học trở lên, nhưng nhất thiết phải là người có sức khỏe, kinh nghiệm, sản xuất giỏi và tâm huyết, nhiệt tình.

Điều 8. Tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người làm công tác khuyến nông cơ sở.

1. Tuyển chọn, bổ nhiệm: Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, quyết định tuyển chọn người làm công tác khuyến nông cơ sở theo tiêu chuẩn tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 7 và cơ cấu tổ chức KNCS tại Khoản 5, Điều 5 Quy định này và căn cứ vào trình độ, năng lực của khuyến nông viên cơ sở để bổ nhiệm tổ trưởng tổ KNCS.

Trước khi quyết định tuyển chọn khuyến nông viên cơ sở và bổ nhiệm tổ trưởng tổ KNCS, phải trình Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, chấp thuận; Chỉ được quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm những người được Chủ tịch UBND cấp huyện chấp thuận bằng văn bản.

2. Miễn nhiệm: Chủ tịch UBND cấp xã rà soát, ra quyết định miễn nhiệm người làm công tác khuyến nông cơ sở để tuyển chọn người khác thay thế trong trường hợp: Người làm công tác khuyến nông cơ sở không đủ trình độ, không đúng chuyên môn theo cơ cấu, kiêm nhiệm các chức danh trái quy định, vì lý do sức khỏe, xin chuyển công tác, tự nguyện xin rút hoặc có 02 vụ sản xuất liên tục không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trước khi quyết định miễn nhiệm người làm công tác khuyến nông cơ sở, Chủ tịch UBND cấp xã phải có văn bản trình Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét và chỉ được ban hành quyết định miễn nhiệm những người được Chủ tịch UBND cấp huyện chấp thuận bằng văn bản.

3. Sau khi ban hành quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người làm công tác khuyến nông cơ sở, Chủ tịch UBND cấp xã phải gửi 01 bản danh sách và các quyết định của từng người kèm theo, báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện để kiểm tra, theo dõi và quản lý.

II. NHỮNG CHÍNH SÁCH CỤ THỂ.

Điều 9. Quy định mức phụ cấp hàng tháng đối với người làm công tác khuyến nông cơ sở theo hệ số lương cơ sở hàng tháng.

1. Đối với khuyến nông viên cơ sở:

- Tổ trưởng: Có trình độ cao đẳng, đại học: Hệ số 1,1 mức lương cơ sở; có trình độ trung cấp: Hệ số 1,05 mức lương cơ sở.

- Tổ viên: Có trình độ cao đẳng, đại học: Hệ số 1,05 mức lương cơ sở; có trình độ trung cấp: Hệ số 1,0 mức lương cơ sở.

- Khuyến nông viên cơ sở chưa được ngân sách Nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế thì được hỗ trợ bằng 3% mức lương cơ sở để đóng bảo hiểm y tế.

2. Đối với cộng tác viên KNCS: Hệ số 0,2 mức lương cơ sở.

Điều 10. Nguồn chi trả phụ cấp.

1. Đối với khuyến nông viên cơ sở: Nguồn chi trả phụ cấp và hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế từ ngân sách tỉnh (nguồn chi sự nghiệp phát triển kinh tế). Ngân sách tỉnh uỷ nhiệm cho ngân sách cấp huyện chi trả. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện cấp phát cho Trạm Khuyến nông huyện (thành phố Việt Trì và thị xã Phú Thọ là Phòng Kinh tế) thực hiện việc chi trả hàng tháng cho khuyến nông viên cơ sở.

2. Đối với cộng tác viên khuyến nông cơ sở:

a) Cộng tác viên khuyến nông cơ sở tại các xã trên địa bàn huyện 30a, xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, các khu dân cư đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành của Chính phủ và Ủy ban Dân tộc: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% (hệ số 0,2 mức lương cơ sở) từ nguồn chi sự nghiệp phát triển kinh tế, số kinh phí này được bố trí cân đối hàng năm cho ngân sách cấp xã để chi trả.

b) Cộng tác viên khuyến nông cơ sở ở các địa bàn còn lại: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% (tương đương hệ số 0,14 mức lương cơ sở) từ nguồn chi sự nghiệp phát triển kinh tế, số kinh phí này được bố trí cân đối hàng năm cho ngân sách cấp xã để chi trả; Phần còn lại 30% (tương đương hệ số 0,06 mức lương cơ sở) sử dụng từ nguồn kinh phí hoạt động khuyến nông cơ sở do UBND cấp xã quản lý, nếu thiếu ngân sách cấp huyện có trách nhiệm cân đối, cấp bù cho ngân sách cấp xã để chi trả.

Điều 11. Người làm công tác khuyến nông cơ sở hàng năm được tham dự các lớp đào tạo, tập huấn theo các chương trình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công, khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn, bảo vệ thực vật, chăn nuôi thú y,... của tỉnh, của huyện. Những ngày dự đào tạo, tập huấn được giữ nguyên mức phụ cấp và được hưởng chế độ đào tạo, tập huấn do cơ quan, tổ chức đào tạo, tập huấn chi trả.

III. XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG KNCS.

Điều 12. Kinh phí hoạt động KNCS do UBND cấp xã huy động từ các nguồn sau:

1. Hỗ trợ của ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã;
2. Các khoản tài trợ đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn hợp pháp khác.

Điều 13. Quản lý kinh phí hoạt động KNCS:

- UBND cấp xã mở sổ sách quản lý kinh phí hoạt động KNCS một cách chặt chẽ để chi cho các hoạt động khuyến nông và chi trả phụ cấp cho cộng tác viên KNCS theo Khoản 2, Điều 10 Quy định này.

- UBND cấp huyện duyệt cân đối dự toán, quyết toán thu, chi kinh phí hoạt động KNCS hàng năm cho UBND cấp xã và UBND cấp xã phải quyết toán, công khai trước nhân dân theo Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Nếu kinh phí hoạt động KNCS sử dụng không hết thì chuyển kết dư sang năm sau, không được sử dụng vào các mục đích khác.

CHƯƠNG III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Ủy ban nhân dân tỉnh giao:

- Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Công Thương hướng dẫn việc thực hiện Quy định này.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính cân đối nguồn, bố trí kế hoạch kinh phí chi trả phụ cấp cho người làm công tác khuyến nông cơ sở theo quy định.

- UBND các huyện, thành, thị: Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn rà soát lại đội ngũ người làm công tác khuyến nông cơ sở trên địa bàn, thực hiện miễn nhiệm những người không đảm bảo tiêu chuẩn, kiêm nhiệm trái với quy định và tuyển chọn người mới để thay thế.

Điều 15. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Minh Châu

